

# NUÔI DƯỠNG VÀ XA LÁNH Ý NGHĨA CỦA TÂM NGỮ HỌC TRONG ĐỌC HIỂU VĂN CHƯƠNG

GS.TS. NGUYỄN THANH HÙNG

## I. Đặt vấn đề

Tôi viết bài này với cảm nhận thất vọng về hướng đi nguy hiểm của nhân loại đang vô tình nhằm tới sự hủy diệt sự sống bằng trí tuệ mẫn tiệp của con người.

Hai sản phẩm được sùng bái và theo đuổi đầy khát vọng lại có sức phá hoại kinh hoàng nhất là vũ khí hạt nhân và những học thuyết mới làm cho con người ngày càng xa rời bản chất nhân vị và sinh tồn của nó.

Một trong những học thuyết để đọc hiểu nói chung là tâm ngữ học (tâm lí ngôn ngữ học). Bài viết này chỉ giới hạn trong việc phân tích tác động tích cực và tiêu cực của ngôn ngữ học tâm lí trong đọc hiểu văn chương.

Lí tính và sự hợp lí của nhân loại không phải là vấn đề triết học trừu tượng được ưu tiên nghiên cứu ở thế kỉ này. Cấp thiết nhất vẫn là vấn đề câu hỏi đến từ Hăm-lét "tồn tại hay không tồn tại". Tồn tại hay là tự hủy diệt. "Tôi tư duy là tôi tồn tại" (Đề-các) dĩ nhiên là thể vì con người là con người trí năng mà chủ yếu là di trí (truyền lại trí khôn, kiến thức bằng học vấn) nhưng nếu con người có lí tính, nếu tính hợp lí tạo thành cơ sở chung cho ý thức con người thì hãy chấm dứt những gì phi lí để con người không chỉ tồn tại mà còn mang bên mình hạnh phúc của quyền con người được tự do phát triển năng lực toàn diện phù hợp với bản sắc cá nhân.

Lịch sử nhận thức của nhân loại và lịch sử của những chuyên ngành khoa học khác nhau đều mãi tìm ra chân lí và sự thật. Đó là thành tựu của trí tuệ lí tính. Nhưng chân lí là công việc của cái đầu và bộ óc, của trí tuệ khô khan. Chân lí là mốc giới được thừa nhận trong lịch sử, còn sự thật lại là một khoảng trống ở phía trước đang chờ thay thế bởi một chân lí khác. Chân lí là thứ phải kiếm tìm, nhưng chân lí không có bí mật vì nó là sản phẩm của tư duy luôn vận động và sinh thành. Nó có tính chất tạm thời, tương đối, nằm ngoài thời gian nhưng đến lúc nào đấy lại bị thời gian vượt mặt và phủ định. Vì thế mới xuất hiện hình học phi Ơcolít, lí thuyết phản hạt và lí thuyết tương đối (Relativstheorie). Trong khi đó hiện tượng cuộc sống là đối tượng nhận thức còn mờ mịt khôn cùng. Bên cạnh trí năng, con người còn phải dựa vào con đường nghiệm sinh do trực giác

cảm tính, tri giác, bừng hiểu (insight) xúc cảm đắm say về cái đẹp trong trẻo, tinh khiết vô tư và hướng thiện cùng những siêu cảm xa rộng về cái tuyệt đối mà cá nhân sáng tạo ra cuộc sống tâm hồn. Đó là bí mật thực sự của bản thân tồn tại. Vấn đề đặt ra là hãy di chuyển la bàn nghiên cứu khoa học sao cho hài hòa giữa ý chí kiêu ngạo cải tạo thế giới và thái độ khoan dung hòa hợp với thế giới đang cùng sống, giữa khách thể và chủ thể, giữa biện chứng lôgic và biện chứng tâm hồn, giữa lí tính và sự hiển minh, giữa đồn ngộ và tiệm ngộ. Không nên chủ trương một cái gì trước ngoài việc cần phải khám phá thế giới càng nhiều thì càng tốt. Tất cả mọi học thuyết, lí luận đều là bất xác định, ta cảm nghiệm chúng với sự hoài nghi (suspense). Đó là sự mở đường cho những tìm kiếm sáng suốt bằng cách hé mở cánh cửa cho những điều chưa biết và phải thừa nhận có khả năng sai lầm nào đó trong nghiên cứu khoa học. Nếu một mục quyết định kết luận rồi, thì không giải quyết được vấn đề.

## II. Con người là một bí ẩn đến mức độ nào?

Đặt con người vào giới hạn của tồn tại khác với việc xem xét nó như một khái niệm khoa học về con người như triết học đã khái quát thành "con người thánh đạo", "con người lao tác", "con người thích ứng", "con người tổng hòa các mối quan hệ xã hội", "con người trí khôn", "con người chính trị", "con người chơi" (Homo Ludens)... Đây là con người được quan sát từ bên ngoài chứ chưa phải là con người tự "mở khóa" vào bản thân. Sự tồn tại của con người nói ở đây là con người đang vận động, biến đổi trong từng thời khắc hiện sinh của nó. Cũng tức là nói đến sự tồn tại sâu xa không dễ nhận thức bởi lí trí của con người. Con người tự hiểu mình, một khả năng bí mật chưa thể biết. Vậy ai sẽ khám phá bí ẩn ấy? Phải chăng đó là con người nội tâm, bản năng, tồn trữ một khối lượng lớn nhiệt, điện, thông tin để truyền nhiệt tình và cảm hứng mà người ta gọi đó là sự nhận thức huyền bí và thiêng liêng của khả năng lập trình và giải mã của bộ óc siêu việt. Cũng chẳng có gì khó hiểu về sự huyền bí ấy bởi hãy tưởng tượng ra điều ngớ ngẩn nhất có thể. Hãy đặt ra những mục đích phi thực tế một cách không tưởng và sau đó hãy suy nghĩ thực tế về việc con người có thể đạt được những điều đó bằng cách nào, bởi vì không có gì là không thể cả đối với con người. Đây là

một tia hi vọng. Ai cũng có nguồn cảm hứng của riêng mình. Cảm hứng sinh ra niềm tin về sức mạnh trong ta mà ta không hề nhận ra mình có. Nó giúp ta phát huy tốt nhất khả năng của mình. Tất nhiên, cũng không thể chỉ dựa vào cảm tính và khát vọng, bản năng, khi không còn tin cậy tuyệt đối vào lí tính và sự có mặt của tư duy gắn liền với ngôn ngữ trong lúc nhiều phương thức nhận thức thế giới của con người chủ trương vô ngôn - “nói ắt là không trúng”. Tuy vậy, cảm tính, trực giác, sự nghiệm sinh chỉ trở thành phương pháp chính xác khi những gì xuất hiện trong nó trở thành một tư tưởng minh bạch, thành hành động được tư duy và hình ảnh tri nhận được.

Tính chất không tin cậy được của ngôn ngữ trong cảm nhận và biểu hiện, trong nhận thức và phản ánh thế giới hiện thực là một trở trêu trên con đường tìm kiếm chân lí của con người ở mọi lĩnh vực. Vậy mà Heidegger và Wittgenstein có chung xu hướng giải quyết tất cả vấn đề hiểu biết cùng sự lí giải giới tự nhiên và xã hội trong quan hệ với con người bằng hình thức sống động của ngôn ngữ. Họ cho rằng trí tuệ của con người có lịch sử hàng ngàn năm được nhân loại sàng lọc, tích lũy, đúc kết thành chân lí và lẽ phải trong bản thân ngôn ngữ. “Ngôn ngữ là ngôi nhà của tồn tại” (Heidegger). Tồn tại, theo ông là một thế giới giả định của con người được thể hiện ra bằng những diện mạo khác nhau tùy thuộc vào việc con người suy tư và phát ngôn về nó như thế nào. Cái triết lí hùng mạnh của con người không phải tự xem mình là vạn năng mà nên hiểu con người tồn tại với vô vàn câu hỏi để rồi bỗng nhận ra giá trị lớn lao của thứ triết lí thật thỏa đáng đối với tồn tại người là sự không hiểu biết ý nghĩa mọi thứ trên đời. Sự tiến bộ muốn trở thành hiện thực chính là nhờ triết lí ấy. Ängghen đã viết: “Khoa học không còn gì là khoa học nữa vì khoa học chưa nghiên cứu chính cái mà chúng ta không biết” (*Lịch sử phép biện chứng, Tập IV, NXB Chính trị Quốc gia, trang 587, H.1998*).

“Ngôn ngữ là ngôi nhà của tồn tại” là một phát ngôn triết học. Nó kêu gọi một cách thuận lí cần áp dụng những phương pháp nào đấy khác với các phương pháp nhận thức khoa học để giải đáp hiệu quả vấn đề nghiên cứu.

Phương pháp nhận thức khoa học gồm hai biến thái của nó. Một là tiếp cận trực tiếp với khách thể bằng năng lực quan sát. Hai là con đường kiến tạo tri thức thông qua lập luận, chứng minh. Ngày nay, phương pháp luận của khoa học hiện đại không thể không biết đến một loại kiến thức thứ ba được gọi là tri thức, chân lí thu nhận được qua sự tự nhận thức

bản thân, như là cuộc cách mạng nội tâm, và như sự “minh xác hiện tượng luận”. Tính minh xác này không mang nội dung của sự quan sát phi chủ quan mà thấm nhuần tinh tế nội dung của sự thể nghiệm sống.

Nói cách khác, nếu đặc điểm sinh mệnh, sinh tồn, hiện sinh của con người bị gạt bỏ bằng con đường phân tích lí tính lạnh lùng và giải thích thuần túy khoa học thì đó chính là sự phủ định thiếu sáng suốt sự hiện tồn của con người và đốt trụi luôn cả ngôi nhà tồn tại của nó là ngôn ngữ. Đến đây càng thấy Xôcorát vĩ đại với biệt trí tiên tri tầm cỡ không ai sánh nổi với châm ngôn: “Con người hãy tự biết bản thân mình”. Theo đó nhà lí luận phê bình kiêm nhà thơ Đức J.Bêsr đã phát triển ý tưởng thiên tài của Xôcorát để đánh giá một nhà thơ kì vĩ là người “có khả năng biến bản thân mình thành đối tượng phản ánh”.

Tại sao chúng ta lại không chinh phục được bản thân mình để đến nỗi triết học lại một lần nữa kêu lên bài hoài về “bi kịch của tồn tại người”. Có lẽ người ta đã phát hiện ra ngay rằng ngay cả sức mạnh trí năng và những học thuyết lớn lao nhất cũng không đem theo bên nó bất cứ sự chỉ dẫn minh bạch nào về việc sử dụng chúng ra sao vì lợi ích của con người, thành tựu khoa học ít khi trực tiếp dạy bảo người ta điều tốt đẹp và điều xấu xa tội lỗi. Đó chính là điều đã được cảnh báo nguy cơ ở phần đặt vấn đề: nguy cơ vì con người về con người.

Mọi thời đại đi qua, con người đã hết mình gắng sức để hiểu thấu đáo ý nghĩa cuộc đời, một ý nghĩa nào đấy có thể đưa ra toàn bộ sự vật, cho hành động của chúng ta thì lúc ấy sức mạnh to lớn của con người sẽ được khai thông. Cho nên rất nhiều câu trả lời đã được chia sẻ về ý nghĩa của mọi thứ trong đời nhưng chúng lại rất xa nhau.

Nói đến tồn tại là đụng đầu với mê lộ bản thể luận. Con đường khả minh về biện chứng của tồn tại có triển vọng hơn cả là phân tích tâm lí học và phân tích tri thức luận (épistémologie) nhưng ở đây tâm lí học sẽ đóng vai trò khởi điểm vì hoạt động khoa học là một sự làm trong sạch, sự thanh tâm hoặc như người ta nói là sự thanh lọc (Katharsis) độc đáo và sự biến chuyển tích cực tâm lí của con người. Con người phản ứng với những gì diễn ra xung quanh và tác động lên mình không chỉ bằng hoạt động lí luận, mà trước tiên là bằng xúc cảm, nhất là trí tuệ xúc cảm. L.Vugôtski cho rằng trong tư duy ngôn ngữ ý nghĩa không phải là điểm tận cùng của toàn bộ quá trình. Ý nghĩa không phải được nảy sinh từ ý nghĩa khác mà từ lĩnh vực động cơ của nhận thức. Đằng sau ý nghĩa là khuynh hướng tư tưởng, cảm xúc lan truyền, ý chí nhiệt tình, nhu cầu đổi mới và lí tưởng

sống. Vì vậy, L.Vugôtski cho rằng việc phân tích tâm lí một ý nghĩa nào đó chỉ triệt để khi phát hiện ra được động cơ, hành động thực tiễn, cảm xúc bên trong bị che khuất bởi tư duy ngôn ngữ.

Tóm lại, mọi hành động nhận thức đều có sự tham gia của cảm xúc. Cảm xúc như một chất men say thấm vào từ hoạt động tri giác đến việc lựa chọn thao tác và ra quyết định trí tuệ. Ảnh hưởng của cảm xúc tới hoạt động nhận thức rất lớn và trải ra trên một phổ rộng từ cảm xúc đơn giản như yêu ghét đến tình cảm phức hợp như mặc cảm Ơ-đíp, mặc cảm tội lỗi đến linh cảm trực giác như đức tin tôn giáo làm ấm lòng người bởi nghệ thuật truyền cảm hứng của nó.

Trong cấu trúc của cảm xúc trí tuệ, P.Salovey đặc biệt nhấn mạnh đến khả năng thấu cảm để cư xử hướng thiện và đưa ra những quyết định thông minh. Tâm hồn chỉ có thể lặng yên suy tư khi nó thấu hiểu được sự vận động của chính nó dưới dạng suy nghĩ và cảm xúc về mục đích của sự tồn tại trong chính mình.

Như vậy, cái bí ẩn của con người không đến nỗi là sự bí ẩn vĩnh viễn, con đường giải hóa nó là tìm đến sự hài hòa, xuyên thấu vào nhau giữa không gian kinh nghiệm của trăm tỉ người đã chết và sáu tỉ người đang sống với chân trời mong đợi của từng người mà J.P.Sartre gọi là “dự định hiện sinh” (project existentiel) để hóa giải những huyền thoại khoa học rồi lại xác lập những huyền thoại mới - huyền thoại tháng ngày (Mythen des Alltags) như Barthes đã nói.

### III. Hãy đặt nhẹ “tâm ngữ học” lên bàn cân

Như vậy là vấn đề đã rõ, tâm lí học đã tự giác sau chặng đường dài tự phát để hiểu rằng tâm lí người là khởi điểm kích lệ và duy trì quá trình thanh lọc tâm hồn với cảm hứng sáng tạo và truyền cảm hứng độc đáo. Thế giới tâm lí phát động và huy động ngôn ngữ với tư duy tự do, với trí tưởng tượng như một khát vọng linh cảm, dự đoán, với sự khôn ngoan của kinh nghiệm tự rút ra và với sự quyết liệt ý chí trong hành động chưa thấy rõ kết quả – như một hành động phi mục đích (sans fin). Hành động này với ngữ nghĩa mờ mờ chính là việc sử dụng phương tiện kết hợp hữu cơ với việc thực hành vì bản thân hành động ấy bị thôi thúc và quyến rũ bởi cái tốt đẹp ở phía trước cuộc sống. “Trong thực hành, khái niệm “mandala” có nghĩa là vòng luân chuyển, sự hoàn tất trở thành khái niệm tạo sinh cho bất kì phác thảo, sơ đồ, mẫu thức (archétype) nào tái hiện một cách vật lí và biểu tượng sự tồn tại từ giác độ con người. Vì lẽ đó, sự bí ẩn của con người được giải mã phần lớn bằng con người tâm lí – văn hóa. Ngành tâm lí học

rất biết điều đó nên mới đi sâu vào tâm lí học hoạt động, tâm lí học nghệ thuật (Vugôtski), tâm lí học phân tích (Phân tâm học – Freud), tâm lí học hoàn hình (Köhler), tâm lí học miễn sâu (Psychologie des profondeurs), tâm lí học ngôn ngữ (tâm ngữ học – Psycholinguistics – Homboldt),...

Chẳng những tâm lí học có vai trò ngày càng lớn đối với khoa học nhân văn mà còn là một trong những hướng tiếp cận quan trọng đối với văn chương. Nhà văn là nhà tâm lí học về lí thuyết và bị tâm lí người ràng buộc. Tác phẩm văn chương là ngôi nhà tồn tại của trí tuệ sáng tạo và biểu tượng, của trí tưởng tượng và huyền thoại, của những ước đoán tiên tri và dòng suy tưởng, của xúc cảm thẩm mĩ và linh cảm bất chợt, của kì ức hứng thú và khát vọng lí tưởng...

Hai yếu tố quan trọng của văn hóa cấu thành văn học là con người và ngôn ngữ. Đó là sự mã hóa phổ quát và sáng tỏ nhất để văn học trở thành sở hữu tâm lí của nhiều thế hệ người đọc.

Người ta nói sự tồn tại của thế giới này đều có nghĩa. Cái nghĩa đó của tồn tại chỉ có ý nghĩa khi nó gắn bó máu thịt với con người. Tâm lí học ngôn ngữ (tâm ngữ học) quan tâm nghiên cứu sự tiếp nhận lời nói với mục đích nghe hiểu, đọc hiểu cái ý nghĩa ấy.

Các nhà tâm lí học ngôn ngữ ở Việt Nam như GS. TS. Trần Hữu Luyến quan niệm “điểm cốt lõi của vấn đề tiếp nhận lời nói (nghe và đọc hiểu) là hiểu “ý” của lời nói và cao hơn là động cơ của người nói chứ không phải chỉ thấy “nghĩa” lời nói” (*Những bình diện tâm lí ngôn ngữ học*, NXB Đại học Quốc gia, H.2010). Tác giả xuất phát từ lí thuyết giao tiếp ngôn ngữ để giải quyết vấn đề đọc hiểu. Chiến lược đọc hiểu cũng được tác giả dựa vào khái niệm “đơn vị giải đáp” như những “vị trí mạnh” trong văn bản để trình bày. Tác giả cho rằng “tiếp nhận lời nói (nghe và đọc hiểu) còn có sự tham gia tích cực của mặt trí tuệ, của các giải pháp euristics tức là con đường đi tắt nào đó để hiểu ngay được ý lời nói mà lại không có chủ định. Cơ chế này trong tâm lí ngôn ngữ học cho đến nay vẫn còn nhiều điều rất không rõ ràng nhưng thực tế thì đã khẳng định”.

Tôi thử chia sẻ ít nhiều những băn khoăn của tác giả về “con đường tắt nào đó để hiểu ngay được ý lời nói mà lại không có chủ định” như sau:

Thứ nhất, cái cơ chế tâm lí trên, bao gồm “con đường đi tắt” chỉ có thể là “sự tích hợp tinh thần thực tiễn”. Đặc trưng của cách tiếp cận này tạo nên hình ảnh mờ ảo hơn là chính xác, có tính chất biểu tượng hơn là phù hợp với lôgic chặt chẽ trong đọc hiểu. Trong biểu tượng (répresentation) với rất nhiều định nghĩa của GS. TS. Vũ Dũng (tâm lí học), của GS. Hoàng

Phê, GS. TS. Đỗ Hữu Châu (ngôn ngữ học) với điểm nhấn bao trùm là xúc cảm và trí tuệ cảm xúc, cảm giác lí tính hóa với sự ghi nhận mối quan hệ trực tiếp của nhân loại với chính mình. Biểu tượng là khả năng sâu rộng của năng lực đọc hiểu. Nó là chỗ gặp gỡ và biểu hiện rực rỡ sự sống của con người bằng hình tượng. Nó là phạm trù đặc thù của việc khám phá thẩm mĩ trong đọc hiểu văn chương. Trong văn chương chúng ta gặp rất nhiều biểu tượng nghệ thuật như là một “thứ ngôn ngữ ngụ ý hình tượng” muốn vạch ra nét bản chất nào đó của ý nghĩa văn bản. “Mọc giữa dòng sông xanh. Một bông hoa tím biếc. Ôi, con chim chiền chiện. Hót chi mà vang trời”... (*Thanh Hải – Mùa xuân nho nhỏ*) là biểu tượng đã được thừa nhận – chim chiền chiện – mùa xuân với cảm xúc thân thương. Hoặc “áo choàng đỏ gắt”, “tiếng ghi ta nâu”, “tiếng đàn như cỏ mọc hoang”, “nước mắt vắng trắng” (*Thanh Thảo – Đàn ghi ta của Lor-ca*) là những biểu tượng siêu thực tạo cảm xúc ám ảnh. Tưởng tượng, viễn tượng, trực giác là những đặc điểm của biểu tượng nghệ thuật giúp soi sáng ý nghĩa, là hình ảnh tiên tri có tính chất rõ ràng hơn lôgic.

Thứ hai, tâm ngữ học cần đi sâu vào cảm xúc ngôn ngữ (ngữ cảm). Nó có vai trò quan trọng trong đọc hiểu văn bản nói chung và tác phẩm văn chương nói riêng. Đọc hiểu là một hành động nhận thức tích cực và là một quá trình kiến tạo ý nghĩa. Để hiểu văn bản nghệ thuật không thể không nắm vững cảm xúc ngôn ngữ. Ngôn ngữ có một lịch sử hình thành chung và sinh thành với người nói, người viết, người đọc. Nó là thứ ngôn ngữ tràn đầy tình cảm và linh hồn riêng. Nó phản chiếu tâm hồn trong bản năng sống, tuy quen thuộc, ngôn ngữ vẫn có thể thức tỉnh những cảm xúc sâu lắng ở người đọc một cách độc đáo dân tộc. Cái đó chỉ có thể gọi là tình yêu tiếng mẹ đẻ.

Ngữ cảm là cái hồn của ý nghĩa phái sinh và đem lại sự chính xác trong đọc hiểu. Nhà thơ Tố Hữu là một bằng chứng thuyết phục về ngữ cảm thi nhân. Không thể thay từ “xôn xao” trong “Gió lộng xôn xao sóng biển đu đưa” (*Mẹ Tơm*) bằng gió lộng lao xao. Người đọc cũng không thể hoài nghi chữ “xao xác” trong “Tiếng chổi tre xao xác hàng me” là chữ thần vì chúng sống và trải nghĩa và ý ra trong tiếng lòng của tác giả.

Nếu tâm ngữ học chỉ dừng lại với nghĩa và ý để “hiểu ngay” như một sự phản ứng ngôn ngữ không tính toán đến biểu tượng nghệ thuật và ngữ cảm với chức năng kiến tạo ý nghĩa thì sẽ gặp khó khăn đáng kể trong đọc hiểu văn chương.

Hiểu trong đọc hiểu phải đạt tới mức thẩm thía hương vị và cách diễn đạt mới mẻ độc đáo của ngôn

từ qua cảm giác, tri giác, cảm xúc kết hợp với tưởng tượng, biểu tượng, ngữ cảm trực giác và những linh cảm của người đọc. Vugôtski từng viết:

“Chúng ta đưa mình từ trong lòng vào tác phẩm nghệ thuật. Chúng ta du nhập vào nó những cảm xúc đang dâng lên từ đáy sâu lòng ta và tất nhiên là không nằm trên bề mặt của các khí quan cảm thụ của chúng ta mà gắn bó với hoạt động phức tạp nhất của cơ thể chúng ta. Bản tính của tâm hồn chúng ta là như vậy. Nó tự nhận một cách toàn vẹn vào các hiện tượng của tự nhiên bên ngoài hay vào các hình thức do con người tạo ra gán cho hiện tượng này những khí sắc nhất định và bằng một hành vi bất giác và vô ý thức cùng với khí sắc của mình chuyển sang đối tượng. Đây là sự cho vay, là sự du nhập, đây là sự nhập cảm của tâm hồn vào các hình thức không hồn. Đó là cái điều chủ yếu hiện đang được nói nhiều trong mĩ học” (*L.Vugôtski – Tâm lí học nghệ thuật, NXB Khoa học Xã hội, H.1981, trang 244*). Chẳng biết ý kiến thông tuệ này của Vugôtski có thể hóa giải những băn khoăn của GS.TS Trần Hữu Luyện về “con đường đi tắt nào đó để hiểu ngay được ý lời nói mà lại không có chủ định” được rõ ràng hơn không.

#### IV. Kết luận

Cách đây vài chục năm. GS. TSKH. Phan Đình Diêu có bài viết rất hay về “*cảm thụ và suy tư trong nghiên cứu khoa học*”. Đó là suy nghĩ rất mới mà lúc bấy giờ tôi chưa hiểu rõ. Giờ đây tôi cho rằng “hiểu” trong đọc hiểu văn chương về bản chất là giải ra được ý nghĩa của các mối quan hệ nhân tính - thẩm mĩ càng nhiều càng tốt.

Tâm lí học là khoa học nhân văn, là khoa học về cuộc sống sinh động đang diễn ra và biến chuyển không thể lường trước được. Cuộc đời có gì trong quá khứ, hiện tại và tương lai thì tâm lí học cần phải bao quát tới để kiến giải với tư cách tồn tại người, thậm chí phải đương đầu với những tương quan bí ẩn.

Tác phẩm văn chương chứa trong nó những tương quan như thế nên tâm lí học nghệ thuật, tâm lí học ngôn ngữ, tâm lí học miền sâu... sẽ đóng vai trò khởi điểm và làm tĩnh lặng, sạch trong và tha ngã bản thân với tư cách cái tôi tự cho là sáng suốt bằng cái tôi ngu muội để trải nghiệm cái tôi chưa hề có trong đọc hiểu văn chương.

#### SUMMARY

According to the author, one of the key doctrines for reading comprehension is Psycholinguistics (psychology of language). The article analyzes positive and negative impacts of Psycholinguistics in literary readings.